

Số: /TTr-SNNMT

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho cấp huyện;*

Ngày 29/4/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được Hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, kèm theo Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Krông Pắc và Công văn số 1720/UBND-NNMT ngày 24/4/2025 của UBND huyện Krông Pắc về việc báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Krông Pắc. Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh về hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc như sau:

### **1. Hồ sơ trình phê duyệt gồm những tài liệu sau:**

Hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc trình UBND tỉnh phê duyệt gồm có các tài liệu sau:

- Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 26/4/2025 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 18/3/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Pắc về việc Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Kèm theo hệ thống bảng biểu, phụ biểu, sơ đồ, ...; Các loại báo cáo chuyên đề, bản đồ chuyên đề liên quan và các tài liệu, văn bản khác có liên quan).

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2023 huyện Krông Pắc, tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Krông Pắc, tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Krông Pắc, tỷ lệ 1/25.000.

- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Krông Pắc;

Thành phần hồ sơ trình phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc phù hợp theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 20 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

### **2. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2024 huyện Krông Pắc**

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; kết quả thống kê đất đai năm 2023 của huyện Krông Pắc; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Krông Pắc; kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2024 của huyện Krông Pắc như sau:

- Tổng diện tích tự nhiên theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 có 62.575,96 ha.

Tổng diện tích tự nhiên năm 2024 có 62.889,66 ha, (tăng 313,70 ha so với chỉ tiêu được duyệt do thay đổi địa giới đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Đắk

Lắc đã được hoàn thiện, hiện đại hóa theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ), chi tiết:

a) Đất nông nghiệp: Diện tích hiện trạng là 53.216,16ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 47.867,36ha. Kết quả thực hiện còn 53.454,70ha, tăng 238,54ha so với hiện trạng và cao hơn 5.587,34 ha so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng là 10.755,21ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 10.500,82ha. Kết quả thực hiện còn 10.771,33ha, tăng 16,12ha so với hiện trạng và cao hơn 270,51ha so với quy hoạch được duyệt.

- + Đất chuyên trồng lúa: Diện tích hiện trạng là 8.719,88ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 8.580,83ha. Kết quả thực hiện còn 8.732,83ha, tăng 12,95ha so với hiện trạng và cao hơn 152,00 ha so với quy hoạch được duyệt.

- + Đất trồng lúa còn lại: Diện tích hiện trạng là 2.035,33ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 1.917,86ha. Kết quả thực hiện còn 2.036,37ha, tăng 1,04ha so với hiện trạng và cao hơn 118,51ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây hằng năm khác: Diện tích hiện trạng là 5.531,62ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 3.394,83 ha. Kết quả thực hiện còn 5.604,93 ha, tăng 73,31 ha so với hiện trạng và cao hơn 2.210,09 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích hiện trạng là 33.756,76ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 28.324,35 ha. Kết quả thực hiện còn 33.891,24 ha, tăng 134,48 ha so với hiện trạng và cao hơn 5.566,89 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích hiện trạng là 2.811,37ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 3.327,46 ha. Kết quả thực hiện còn 2.812,36 ha, tăng 0,99 ha so với hiện trạng và thấp hơn 515,10 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích hiện trạng là 326,83ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 292,55 ha. Kết quả thực hiện 333,52 ha, tăng 6,69 ha so với hiện trạng và cao hơn 40,97 ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất chăn nuôi tập trung: Diện tích hiện trạng là 20,22ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 353,36 ha. Kết quả thực hiện còn 20,22 ha, không thay đổi so với hiện trạng và thấp hơn 333,14 ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng là 14,16 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 1.673,99ha. Kết quả thực hiện còn 21,11ha, tăng 6,95 ha so với hiện trạng và thấp hơn 1.652,88 ha so với quy hoạch được duyệt.

b) Đất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng là 8.830,01ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 14.609,20ha. Kết quả thực hiện 8.905,00ha, tăng 74,99ha so với hiện trạng và thấp hơn 5.704,20ha so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích hiện trạng là 1.652,52ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 2.885,11ha. Kết quả thực hiện 1.662,74ha, tăng 10,22ha so với hiện trạng và thấp hơn 1.222,37ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Diện tích hiện trạng là 107,33ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 184,24ha. Kết quả thực hiện 107,42ha, tăng 0,09ha so với hiện trạng và thấp hơn 76,82ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích hiện trạng là 15,32ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 17,82 ha. Kết quả thực hiện còn 14,81ha, giảm 0,51ha so với hiện trạng và thấp hơn 3,02ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất quốc phòng: Diện tích hiện trạng là 111,12 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 441,81ha. Kết quả thực hiện 123,95 ha, tăng 12,83 ha so với hiện trạng và thấp hơn 317,86 ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: Diện tích hiện trạng là 2,97ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 10,09ha. Kết quả thực hiện 3,48 ha, tăng 0,51 ha so với hiện trạng và thấp hơn 6,61 ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Diện tích hiện trạng là 168,14ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 330,51 ha. Kết quả thực hiện 166,65ha, giảm 1,50 ha so với hiện trạng và thấp hơn 163,87 ha so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích hiện trạng là 4,64ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 17,33ha. Kết quả thực hiện 3,73ha, giảm 0,91 ha so với hiện trạng và thấp hơn 13,60 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội: Diện tích hiện trạng là 9,07ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 19,07ha. Kết quả thực hiện 9,07ha, không thay đổi so với hiện trạng và thấp hơn 10,00 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích hiện trạng là 5,63ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 23,14ha. Kết quả thực hiện 5,64 ha, tăng 0,02 ha so với hiện trạng và thấp hơn 17,50 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích hiện trạng là 97,64ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 162,98ha. Kết quả thực hiện 97,66ha, tăng 0,02ha so với hiện trạng và thấp hơn 65,32ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Diện tích hiện trạng là 48,34ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 106,13ha. Kết quả thực hiện 48,35 ha, không thay đổi so với hiện trạng và thấp hơn 57,78 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn: Diện tích hiện trạng là 0,15ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 0,31ha. Kết quả thực hiện 0,15 ha, không thay đổi so với hiện trạng và thấp hơn 0,16 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Diện tích hiện trạng là 2,68ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 1,56ha. Kết quả thực hiện 2,05 ha, giảm 0,63 ha so với hiện trạng và cao hơn 0,49 ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng là 230,50ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 1.904,88ha. Kết quả thực hiện 247,00ha, tăng

16,49ha so với hiện trạng và thấp hơn 1.657,89 ha so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Đất cụm công nghiệp: Hiện trạng không có, quy hoạch được duyệt tăng lên 75,00 ha. Kết quả thực hiện không có, thấp hơn 75 ha so với quy hoạch được duyệt được duyệt.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích hiện trạng là 14,63 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 717,76 ha. Kết quả thực hiện 15,85 ha, tăng 1,23 ha so với hiện trạng và thấp hơn 701,91 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng là 99,20 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 234,39 ha. Kết quả thực hiện 98,03 ha, giảm 1,17 ha so với hiện trạng và thấp hơn 136,35 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích hiện trạng là 116,67 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 877,73 ha. Kết quả thực hiện còn 133,11 ha, tăng 16,44 ha so với hiện trạng và thấp hơn 744,62 ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Diện tích hiện trạng là 3.107,59ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 5.086,72ha. Kết quả thực hiện 3.149,63ha, tăng 42,03ha so với hiện trạng và thấp hơn 1.937,10ha so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Đất công trình giao thông: Diện tích hiện trạng là 2.483,09ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 3.809,19ha. Kết quả thực hiện 2.517,87ha, tăng 34,78ha so với hiện trạng và thấp hơn 1.291,32 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất công trình thủy lợi: Diện tích hiện trạng là 555,08ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 603,17ha. Kết quả thực hiện còn 560,71ha, tăng 5,63ha so với hiện trạng và thấp hơn 42,46 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất công trình cấp nước, thoát nước: Diện tích hiện trạng là 7,28 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 19,91 ha. Kết quả chưa thực hiện 7,28 ha, diện tích không thay đổi so với hiện trạng và thấp hơn 12,63 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: Diện tích hiện trạng là 3,25ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 5,69 ha. Kết quả chưa thực hiện 5,11 ha, tăng 1,86 so với hiện trạng và thấp hơn 0,58 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất công trình xử lý chất thải: Diện tích hiện trạng là 4,01ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 35,00 ha. Kết quả chưa thực hiện 4,01 ha, không thay đổi so với hiện trạng và thấp hơn 30,99 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: Diện tích hiện trạng là 1,24 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 167,06ha. Kết quả thực hiện 1,16 ha, giảm 0,09 ha so với hiện trạng và thấp hơn 165,90 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: Diện tích hiện trạng là 0,89ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 1,03ha. Kết quả thực hiện không thay đổi so với hiện trạng và thấp hơn 0,14 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: Diện tích hiện trạng là 8,72ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 12,98ha. Kết quả thực hiện không thay đổi so với hiện trạng và thấp hơn 4,26 ha so với quy hoạch được duyệt.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: Diện tích hiện trạng là 44,02ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 432,69ha. Kết quả thực hiện còn 43,87ha, giảm 0,15ha so với hiện trạng và thấp hơn 388,82 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất tôn giáo: Diện tích hiện trạng là 26,84ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 29,53 ha. Kết quả thực hiện 26,97 ha, tăng lên 0,13 ha so với hiện trạng và thấp hơn 2,56 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất tín ngưỡng: Không có, quy hoạch được duyệt tăng lên 0,10 ha. Chưa thực hiện.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Diện tích hiện trạng là 170,16ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 268,41ha. Kết quả thực hiện 170,18ha, tăng 0,02ha so với hiện trạng và thấp hơn 98,23 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích năm 2024 là 3.237,52 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 3.260,59 ha. Kết quả thực hiện còn 3.232,19ha, giảm 5,33ha so với hiện trạng và thấp hơn 28,40 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: Diện tích năm 2024 là 2.670,49 ha, quy hoạch được duyệt tăng lên 2.725,25 ha. Kết quả thực hiện còn 2.659,56 ha, giảm 10,93ha so với hiện trạng và thấp hơn 65,70 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích năm 2024 là 567,03 ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 535,34 ha. Kết quả thực hiện 572,63ha, tăng 5,60ha so với hiện trạng và cao hơn 37,29 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích không có, quy hoạch được duyệt tăng lên 189,38 ha. Chưa thực hiện.

c) Đất chưa sử dụng: Diện tích hiện trạng là 529,79ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 99,39ha. Kết quả thực hiện 529,96ha, tăng 0,18 ha so với hiện trạng và cao hơn 430,57ha so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích hiện trạng là 141,14ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 42,11ha. Kết quả thực hiện 140,32ha, giảm 0,82 ha so với hiện trạng và cao hơn 98,21 ha so với quy hoạch được duyệt.

- Đất đồi núi chưa sử dụng: Diện tích hiện trạng là 388,65ha, quy hoạch được duyệt giảm còn 57,29ha. Kết quả thực hiện 389,65ha, tăng 1,00 ha so với hiện trạng và cao hơn 332,36 ha so với quy hoạch được duyệt.

### **3. Nội dung Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc**

#### **3.1. Nội dung Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030**

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

- Nhóm đất nông nghiệp: 48.155,28 ha;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 14.656,54 ha;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 77,84 ha;

(Chi tiết được thể hiện trong Phụ lục I đính kèm)

b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

- Đưa vào sử dụng nhóm đất nông nghiệp: 372,70 ha;
- Đưa vào sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp: 79,35 ha;

(Chi tiết được thể hiện trong Phụ lục II đính kèm)

c) Diện tích thu hồi đất:

Thu hồi nhóm đất nông nghiệp 4.192,43ha.

Thu hồi nhóm đất phi nông nghiệp 202,73ha.

(Chi tiết được thể hiện trong Phụ lục III đính kèm)

d) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 5.745,55 ha;
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 1.367,19 ha.
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp: 27,57 ha.

(Chi tiết được thể hiện trong Phụ lục IV đính kèm)

e) Diện tích các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt

- Đất trồng lúa: 10.501,00 ha.

(Chi tiết được thể hiện trong Phụ lục V đính kèm)

#### **3.2. Nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc**

a) Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

- Nhóm đất nông nghiệp: 52.807,18 ha;
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 9.561,82 ha;
- Nhóm đất chưa sử dụng: 520,66 ha;

(Chi tiết được thể hiện trong phụ lục VI đính kèm)

b). Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025

- Đưa vào sử dụng nhóm đất nông nghiệp: 5,31 ha;

- Đưa vào sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp: 3,99 ha;  
(Chi tiết được thể hiện trong Phụ lục VII đính kèm)

c) Kế hoạch thu hồi đất năm 2025:

Thu hồi nhóm đất nông nghiệp 129,48 ha.  
Thu hồi nhóm đất phi nông nghiệp 16,98 ha.

(Chi tiết được thể hiện trong Phụ lục VIII đính kèm)

d) Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 660,05 ha;
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: 1,88 ha.
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp: 4,46 ha.

(Chi tiết được thể hiện trong Phụ lục IX đính kèm).

**3.3. Vị trí, diện tích các khu vực đất chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất** được xác định theo bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tỷ lệ 1/25.000; bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc, tỷ lệ 1/25.000; Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc.

#### **4. Tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất**

##### **4.1. Giao UBND huyện Krông Pắc có trách nhiệm:**

- Công bố công khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai.

- Tổ chức thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai.

- Trong quá trình thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, UBND huyện Krông Pắc (*hoặc cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*) chủ động rà soát, lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất hằng năm của địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 20 và khoản 9 Điều 21 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt; tăng cường thanh tra, kiểm tra đất đai; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- UBND huyện chịu trách nhiệm về nội dung, tính chính xác của hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của



huyện theo quy định của pháp luật; định hướng không gian sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với những khu vực đã có quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn được phê duyệt trong Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) trước ngày 15 tháng 10 hằng năm theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai.

**4.2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định của UBND tỉnh lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk theo quy định.

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND huyện Krông Pắc;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLĐDDĐBĐ(*Sang*).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Huân**